

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-PT
Ngày: 13/5/2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hòa;
Bà Bùi Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 08 và 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLPT-DS ngày 02/12/2019, về tranh chấp “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐ-PT ngày 31/01/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐ-PT ngày 28/02/2020; Thông báo về việc tạm dừng phiên tòa số: 33/2020/TB-TA ngày 12/3/2020; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 52/2020/TB-TA ngày 17/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn x, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; tạm trú tại: Bản N, xã T (nay là xã M), thành phố P, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lưu Văn B, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn x, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (theo Giấy ủy quyền lập ngày 27/9/2018).

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn C1, sinh năm 1960 và bà Ngô Thị M1, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: Bản N, xã T (nay là xã M), thành phố P, tỉnh Điện Biên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Hoàng Văn T1, chị Hoàng Thị G, anh Hoàng Văn K; cùng địa chỉ: Thôn x, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;

3.2. Chị Hoàng Thị H; Hộ khẩu thường trú: Thôn x, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ cư trú: Thôn Y, xã N1, huyện T2, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Văn T1, anh Hoàng Văn K, chị Hoàng Thị G, chị Hoàng Thị H: Ông Lưu Văn B, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn x, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (theo Giấy ủy quyền lập ngày 20/02/2020).

3.3. Ông Ngô Văn P1; địa chỉ: Bản N, xã T (nay là xã M), thành phố P, tỉnh Điện Biên.

3.4. Anh Hoàng Văn S; địa chỉ: Thôn x, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;

3.5. Ông Ngô Văn C2, sinh năm 1971 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1971; cùng địa chỉ: Bản N, xã M, thành phố P, tỉnh Điện Biên.

4. Người kháng cáo:

- Ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1 là bị đơn trong vụ án.

- Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Những người được Tòa án triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm: Ông C, ông B, ông C1, bà M1 có mặt tại phiên tòa phúc thẩm; ông C2 và bà D có mặt tại phiên tòa ngày 07/05 và xin vắng mặt trong thời gian xét xử tiếp theo. Ông Ngô Văn P1 và Hoàng Văn S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2018 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Gia đình ông C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nương của ông Ngô Văn P1 vào tháng 4 năm 1993; diện tích đất nhận chuyển nhượng là 2.000m² tại bản N, xã T, thành phố P, tỉnh Điện Biên với giá 70.000 đồng; hai bên đã giao nhận đất và thanh toán đầy đủ tiền cho nhau có ông Vương Văn D2 là người làm chứng và viết giúp biên bản bán nương để ông P1, ông C cùng ký (BL 10). Gia đình ông C đã nhận đất nương và canh tác, sử dụng từ năm 1993 cho đến đầu năm 2000 thì ông C đi vào Lâm Đồng sinh sống. Sau đó thì ông C giao đất cho ông Hoàng Văn D3 là chú họ trông nom, sử dụng.

Đến năm 2008, gia đình ông C về Điện Biên tảo mộ thì thấy ông Hoàng Văn D3 cho ông C2 (là con rể của ông D3) làm chuồng trâu gần khu mộ của nhà ông C; vì vậy ông C đã đòi đất từ ông D3 và giao cho vợ chồng ông Hoàng Văn C1, bà Ngô Thị M1 trông nom hộ, hai bên nhờ ông Mai Vĩnh L1 làm giấy tờ giúp và ký làm chứng (BL 43).

Các bên thỏa thuận với nhau: Ông bà C1 - M1 được khai thác trồng cây trên đất nhưng không được bán, chuyển nhượng đất, ông C không phải trả công trông

nom cho ông C1, bà M1. Khi ông C giao đất cho ông bà C1 - M1, trên đất không có nhà, chỉ có 03 ngôi mộ người thân của ông C trên đất (là mộ bà nội Hoàng Thị D4, mộ em trai Hoàng Văn T3; mộ con gái Hoàng Thị M2). Ông C khai giấy tờ mua bán đất nương giữa ông C và ông Ngô Văn P1 (Bản gốc viết tay) đã giao cho anh Hoàng Văn S hiện nay ở tại thôn x, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cầm ra Điện Biên đưa cho ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1.

Đến năm 2010, khi đoàn cán bộ địa chính đi kiểm tra, đo đạc đất và quy chủ thì vợ chồng ông C1, bà M1 đã tự chỉ diện tích nương của ông C cho cán bộ đo đạc vào bản đồ và làm hồ sơ cấp GCNQSĐĐ cho vợ chồng ông C1. Ông C và các con đã nhiều lần lên Điện Biên đòi đất và đã nhiều năm liên tiếp lên để thỏa thuận với ông C1, bà M1 để trả lại đất nhưng vợ chồng ông C1, bà M1 không chịu trả. Ông C1, bà M1 đã tự ý chôn cất mẹ của ông C1 cạnh khu mộ của gia đình ông C, trên đất của ông C. Bên cạnh đó, ông C1, bà M1 còn tự trồng cây trên diện tích đất của ông C đến nay cây đã to chuẩn bị đến tuổi khai thác.

Ông C đã đề nghị xã, bản tổ chức hòa giải cho hai gia đình nhưng vợ chồng ông C1, bà M1 không có mặt nên không hòa giải được. Nay ông C khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu ông C1, bà M1 trả lại đất cho ông C và buộc ông C1, bà M1 phải di dời 01 ngôi mộ của mẹ ông C1 (là mộ bà Mai Thị S1) và những cây cối hoa màu do ông C1, bà M1 trồng ra khỏi đất của ông C; Ông C không nhất trí bồi thường hoa màu trên đất. Vị trí tứ cận của thửa đất tranh chấp: Một phía giáp đất ông C1, bà M1, một phía giáp đường đi Pú Nhi, còn 1 phía giáp khe suối gần đất của ông Lý Văn D5 (vợ là Ngô Thị K1) tại địa chỉ: Bản N, xã T, thành phố P, tỉnh Điện Biên.

2. Tại văn bản trả lời Thông báo thụ lý vụ án ngày 30/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Ông C đã viết giấy bàn giao lại mảnh đất cho ông C1 trông coi quản lý và sử dụng từ năm 2008 nên ông C1 mới trồng cây và chôn cất bà Mai Thị S1 là mẹ ông C1 trên đất để giữ đất mồ mả của dòng họ, việc ông C1 chôn cất bà S1 vào khuôn viên đất của ông C cũng được ông C nhất trí.

Ông bà C1 - M1 không được giữ giấy tờ đất của ông C. Ông C nói vợ chồng ông C1 lấn chiếm đất nhà ông C nhưng thực tế không phải vợ chồng ông C1 lấn chiếm mà là nhà ông bà C2 - D đã dựng chuồng trâu và lấn chiếm đất của ông C.

Hiện nay phần đất tranh chấp là nghĩa địa của dòng họ nên không thể giao đất cho ông C được vì liên quan đến mồ mả tổ tiên, tâm linh của cả dòng họ; Vì vậy, ông bà C1 M1 muốn thỏa thuận với các anh em con cháu trong dòng họ hai bên gia đình.

Trường hợp ông C không hòa giải được với gia đình ông C1 thì ông bà C1 - M1 cũng nhất trí trả đất cho ông C nhưng đề nghị ông C giao cho ông C1, bà M1 trông coi mồ mả đất có 04 ngôi mộ của dòng họ Hoàng. Nếu ông C không giao phần mộ cho gia đình ông C1, bà M1 trông coi thì ông C1, bà M1 đề nghị ông C

phải bồi thường toàn bộ cây cối hoa màu ông C1, bà M1 đã trồng trên đất của ông C.

Ông bà C1 - M1 yêu cầu ông C bồi thường cây cối hoa màu trên đất nhưng không có đơn yêu cầu giải quyết về việc bồi thường trên. Yêu cầu của ông bà C1 M1 được trình bày sau khi Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp và tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất.

3. Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

- Ý kiến của anh Hoàng Văn T1, chị Hoàng Thị G, anh Hoàng Văn K và chị Hoàng Thị H: Hoàn toàn nhất trí với ý kiến của ông C. Anh T1, chị G, anh K, chị H ủy quyền cho ông C tham gia tố tụng tại Tòa án sơ thẩm.

- Ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D trình bày: Tại buổi thẩm định ngày 05/4/2019, ông Ngô Văn P1, Hoàng Văn C1, Hoàng Văn C đã chỉ mốc diện tích đất tranh chấp sang đất của gia đình ông C2 làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà C2 – D, vì vậy ngày 12/5/2019 ông C2 bà D có đơn yêu cầu độc lập (BL 181) với nội dung: Không nhất trí với việc chỉ đất của ông C, ông C1 và ông P1 vì 135,4m² mà gia đình ông C2 dựng chuồng trâu là đất của gia đình ông C2, yêu cầu Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông bà C2 D.

Ông C2 bà D khai về nguồn gốc đất hiện gia đình dựng chuồng trâu: Năm 1993, gia đình ông C2 chuyển từ tỉnh Cao Bằng về bản N sinh sống. Đến năm 1998, ông C2 đã đổi một mảnh đất với ông Ngô Văn P1 để làm nhà ở. Do diện tích đất bị thiếu nên năm 2004, ông C2 đã yêu cầu ông P1 phải bù thêm đất cho ông C2; ông Ngô Văn P1 đã cắt cho ông C2 diện tích nền nhà, ông Ngô Văn P1 nói là ông P1 còn một mảnh đất ở phía dưới đường và cho thêm ông C2 (là diện tích đất hiện nay ông C2 sử dụng làm chuồng trâu). Khi đổi đất vì tin tưởng nhau nên ông C2 và ông Ngô Văn P1 đã không làm giấy tờ đổi đất. Tuy nhiên việc đổi đất giữa ông C2 và ông Ngô Văn P1 có người dân cùng bản và cư trú cùng thời điểm đó biết rõ như ông Hoàng Văn B1, ông Ngô Văn A, bà Lý Thị D1, ông Ngô Văn D6.

Năm 2008, ông C lên giao lại đất và phần mộ của bà nội ông C nằm giáp ranh với đất của gia đình ông C2 cho ông Hoàng Văn C1 cùng bản trông coi. Năm 2010, nhà nước đo đạc bản đồ địa chính ông C2 đã chỉ rõ cho cán bộ đo riêng phần đất của gia đình ông C2, giữa ông C và ông C2 không xảy ra tranh chấp. Tháng 11/2016, ông C lên gặp ông C2 và 02 người cùng đi xác định mốc giới đất với nhau, sau đó ông C2 đã đào hào làm ranh giới với đất của ông C. Đến năm 2017, ông C lại quay lên và nói rằng diện tích đất hiện tại gia đình ông C2 đang sử dụng để làm chuồng trâu là đất của ông C. Đầu năm 2019, khi Nhà nước tu sửa và mở rộng đường đi MP đã xúc đất cải tạo nâng cao ngang mặt đường mới, thì ông C tiếp tục khẳng định đất của gia đình ông C2 đang làm chuồng trâu là của ông C; Vì vậy ông C2 và ông C cũng đã xảy ra cãi nhau. Đến nay, ông C2 bà D xác định việc ông C khởi kiện và chỉ đất đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích

của gia đình ông C2, vì vậy ông bà C2 - D không nhất trí việc chỉ đất của ông C, ông C1, ông P1 tại phiên thẩm định. Quan điểm của ông C2 và bà D không nhất trí trả 135,4m² đất mà ông, bà đang làm chuồng trâu cho ông C vì ông C2 và bà D cho rằng đất đó là của ông C2, bà D được ông P1 cho.

Ông C không nhất trí với yêu cầu của ông bà C2 D và yêu cầu ông C2 và bà D phải tháo dỡ toàn bộ chuồng trâu, chặt tre trả lại đất cho ông C.

- Ông Ngô Văn P1 trình bày: Nguồn gốc đất ông P1 bán cho ông C là do ông P1 mua của một người Khơ Mú (khi mua không làm giấy tờ). Vào tháng 4/1993, ông P1 bán cho ông C diện tích đất nương khoảng 2000m² ở gần trại bò với giá 70.000 đồng (là thửa đất nương dưới đường nhựa hiện nay đang đi). Ông C đã trả đủ cho ông P1 số tiền mua nương trên. Các bên không còn nợ gì nhau, trong giấy viết bán nương có ông Vương Văn D2 và chú của ông C (là ông Hoàng Văn D7) cũng chứng kiến việc mua bán. Ông P1 có nghe nói việc ông C có cho gia đình ông bà C1 - M1 mượn đất nương để làm, còn việc ông C có cho hoặc bán nương cho ông bà C1 - M1 hay không thì ông P1 không biết. Sau này, ông P1 có bán cho ông Ngô Văn C2 phần đất ở trên đường nhựa hiện tại nhà ông C2, bà D đang ở chứ ông P1 không bán, đổi đất ở phần dưới đường, ông P1 cũng không cho ông C2 mảnh đất nào ở phía dưới đường; Còn đất dựng chuồng trâu đó ông C và ông C2 tự thỏa thuận.

4. Ý kiến của những người làm chứng do ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D mời :

- Bà Lý Thị D1, ông Ngô Văn A, ông La Văn P2, Ông Ngô Văn D6 đều trình bày là có biết việc ông C mua đất của ông P1 nhưng không được chứng kiến việc các bên thực hiện việc mua bán và bàn giao mốc giới cho nhau. Đối với việc ông P1 và ông C2 đổi đất cho nhau những người này cũng không được chứng kiến mà chỉ nghe nói lại. Sau khi đổi cho ông C2 xong nhà nước mở đường ông C2 có đổ đất canh tác mới được hiện trạng đất như ngày hôm nay. Bà D1, ông A, ông P2, ông D6 đều thấy vợ chồng ông C2, bà D dựng chuồng trâu trên mảnh đất cạnh tà ly mà trước đây ông P1 vẫn trồng ngô hàng năm. Đến bây giờ thấy hiện trạng đất ông C2 làm chuồng trâu là đất đang xảy ra tranh chấp.

- Ông Hoàng Văn B1 là em trai của bà Hoàng Thị D, ông B1 có biết nguồn gốc đất của ông C mua lại của ông P1, khi ông C và ông P1 mua bán với nhau và chỉ mốc giới cụ thể như thế nào thì ông B1 không biết. Trước đây ông C mua đất của ông P1 đất đó giáp đường cũ gọi là đường Pú Nhi, đường nhỏ quanh co chỉ là đường mòn nhỏ ô tô không đi được. Đến khoảng năm 1994, nhà nước có làm đường và nhiều lần thay đổi và đến bây giờ thành đường đi như ngày hôm nay. Khi ông P1 và ông C2 đổi đất cụ thể như thế nào thì ông B1 cũng không được chứng kiến mà chỉ thấy ông P1 và ông C2, bà D nói là có đổi đất cho nhau và có chỉ vị trí đất đổi cho nhau. Trước đây đất đó chỉ là tà luy ông P1 vẫn trồng ngô hàng năm, sau khi đổi đất với ông P1, gia đình ông C2 đã đổ đất và dựng chuồng trâu. Đối với bụi tre trên đất tranh chấp là do ông Hoàng Văn D3 (bố đẻ ông B1) trồng làm mốc đất giữa ông C và ông C2 - bà D, nay ông cụ đã 88 tuổi không đi

lại được và không còn minh mẫn. Thực tế hiện trạng đất thay đổi nhiều vì đường mòn cũ quanh co không phải là đường thẳng. Quan điểm của ông B1 việc ông P1 và ông C chỉ vào đất của ông C2 bà D đang làm chuồng trâu là sai vì đất đó ông P1 đã đổi cho ông C2, bà D.

5. Ý kiến của những người làm chứng khác:

- Ông Vương Văn D2: Thời điểm ông Ngô Văn P1 và ông C có chuyển nhượng đất đai thì ông D2 đang làm Phó trưởng bản T, xã Noong Bua, thị xã P. Đám nương ông C có mua của ông P1 với số tiền 70.000 đồng, số tiền đó do ông C tự trả cho ông P1. Tại thời điểm mua bán đất gia đình ông C có chôn 2 ngôi mộ của bà cụ và con ông C, đám nương đó nằm phía dưới đường đi Pú Nhi.

- Ông Dương Văn M3: Ông M3 không có họ hàng gì với ông C và ông C1; ông M3 làm trưởng bản N từ năm 2004 đến nay. Năm 1992, gia đình ông M3 chuyển từ bản PS, xã MP, huyện Điện Biên về bản N, xã T, thành phố P sinh sống. Ông M3 có nghe nói ông C mua đất của ông P1 chứ không được chứng kiến. Hiện trạng đo đạc thẩm định các bên không nhớ và chỉ không chính xác vì hiện trạng thay đổi nhiều từ khi Nhà nước làm đường.

Khi ông C đi vào Lâm Đồng có nhờ bố vợ ông C2 trông coi hộ sau đó không biết vì lý do gì ông C đòi và giao đất cho vợ chồng ông C1 bà M1 trông coi. Hiện nay bố vợ ông C2 già không đi lại và không nhận thức được. Đất của ông C đã bị ông C1 bà M1 khai và đo đạc quy chủ và được nhà nước cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông C1. Sau khi ông C và ông C1 xảy ra tranh chấp, khiếu kiện thì Giấy CNQSDĐ cấp cho gia đình ông C1 đã bị thu hồi.

Đối với nguồn gốc đất của ông C2 và bà D đang ở, ông M3 có nghe nói ông P1 có đổi đất cho ông C2 bà D, là diện tích đất làm nhà ông C2 bà D làm nhà hiện đang ở. Thực tế cả bản và mọi người đều biết đất của ông C2 bà D đang làm chuồng trâu là đất của ông C trước đây mua của ông P1.

- Bà Ngô Thị K1: Năm 1996, bà K1 từ Cao Bằng chuyển về bản N, xã T, thành phố P ở. Đất của bà K1 cách đất của ông C là một khe suối nhỏ, giữa bà K1 và ông C không có tranh chấp về mốc giới. Bà K1 có nghe nói nguồn gốc đất của ông C là mua của ông P1. Đất của ông C hiện trạng đã thay đổi nhiều khi nhà nước mở đường. Đất ông C chủ yếu giáp đất của ông C1, bà M1.

Bà K1 cũng chỉ nghe nói ông P1 và ông C2 có đổi đất cho nhau, là mảnh đất ông C2 bà D làm nhà và đang ở (đất nằm phía trên đường). Khi ông C đi vào Lâm Đồng ông C có gửi bố vợ ông C2 trông coi hộ. Sau đó nhà nước mở đường ông C2, bà D ủi đất làm nhà ở, đất thừa đã đổ xuống đất của ông C; bà K1 thấy ông C2, bà D đã làm chuồng trâu lên đất của ông C. Thực tế cả bản và mọi người đều biết đất của ông C2 bà D đang làm chuồng trâu là đất của ông C trước đây mua của ông P1.

- Ông Mai Vĩnh L1 (là người già có uy tín của người dân tộc Mông): Năm 1992, bà nội của ông C mất ông C có đến xin đất của ông P1 để chôn bà, sau đó ông P1 có bảo bán đất nương cho ông C; Các bên có làm biên bản thỏa thuận

bán nương vào tháng 4/1993, người làm chứng là ông Vương Văn D2. Khi hai bên mua bán chỉ có con đường nhỏ, ở bên dưới là ruộng. Đến khoảng 1994, Nhà nước có mở con đường mới, ông C ở được một thời gian thì cả gia đình ông C đi vào trong Lâm Đồng và có giao đất cho ông D3 là bố vợ của ông C2 quản lý hộ. Ông D3 có trồng tre và làm chuồng trâu dưới bụi tre bây giờ có ảnh hưởng đến mồ mả nhà ông C. Sau đó ông C từ Lâm Đồng ra và không nhất trí cho gia đình ông D3 quản lý đất nương, giúp, ông C đòi lại đất và giao cho ông C1, bà M1 sử dụng và quản lý, trong đất của ông C có một mòm đất chôn cất mấy ngôi mộ trên đó.

Hiện nay chuồng trâu của ông C2, bà D làm trên đất của ông C, đất đó không phải là đất của ông C2, bà D như ông C2, bà D đã trình bày. Theo phong tục tập quán của dân tộc Mông là người chết được đào sâu chôn chặt và không được bốc mộ. Ông L1 khẳng định đất tranh chấp giữa ông C và ông C1, bà M1, ông C2, bà D là đất của ông C.

- Ông Lý Văn D8: Năm 1996, gia đình ông đến bản N, xã T, thành phố P, tỉnh Điện Biên sinh sống, không được chứng kiến việc ông C và ông P1 có bán đất cho nhau chỉ nghe dân bản nói là ông P1 có bán đất nương cho ông C, lúc đó ông D8 thấy gia đình ông C canh tác trên mảnh đất nương đó. Nếu cần biết rõ về nguồn gốc đất thì phải hỏi ông Ngô Văn P1.

Ngày 05/4/2019, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã xuống thẩm định khu đang đất tranh chấp của gia đình ông Hoàng Văn C và ông Hoàng Văn C1, bà Ngô Thị M1, ông Ngô Văn C2, bà Hoàng Thị D và xác định đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp khe suối nhỏ và giáp đất ông Lý Văn D5 và bà Ngô Thị K1; Phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn C1, bà Ngô Thị M1; Phía Nam giáp đường đi MP; Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn C1, bà Ngô Thị M1.

Căn cứ vào các mốc giới thừa đất do ông Hoàng Văn C và ông Ngô Văn P1 nhất trí xác nhận, cán bộ đo đạc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã đo thực tế đất của ông C có diện tích là 2.260,6m² (trong đó đã trừ diện tích bề nước và diện tích đường đất).

Căn cứ vào các mốc giới do ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1 nhất trí xác nhận, cán bộ đo đạc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã đo thực tế đất của ông C là 1.804,9m² (trong đó đã trừ diện tích bề nước và diện tích đường đất), phần diện tích đang tranh chấp (do tranh chấp mốc giới) giữa ông C và ông C1 trong sơ đồ thẩm định là 455,7m².

Căn cứ mốc do ông C2 và bà D xác nhận, nhất trí cán bộ đo đạc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã đo thực tế đất ông C2 và bà D (dựng chuồng trâu) có diện tích là 135,4m².

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 165; Điều 166; Điều 201; Điều 202; điểm a khoản 1

Điều 203; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106; khoản 5 Điều 166; Điều 170, Điều 202 Luật đất đai năm 2013

- Căn cứ Điều 107; Điều 185; Điều 255; Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C.

1. Tuyên bố: Buộc ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1 phải trả cho ông C diện tích đất theo Biên bản thẩm định 28/3/2019 và Sơ đồ trích đo chỉnh lý Bản đồ địa chính số 373 – 2019 Khu đất thửa 110 tờ bản đồ số 01 tại bản N, xã T, thành phố P, tỉnh Điện Biên tổng diện tích đất là 2.125,2m² (trong đó đã trừ diện tích bề nước và diện tích đường đất) có tứ cận đất như sau:

- Phía Đông giáp ông Lý Văn D5 và bà Ngô Thị K1;
- Phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn C1, bà Ngô Thị M1;
- Phía Nam giáp đường đi MP;
- Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn C1, bà Ngô Thị M1;

Ông C1, bà M1 phải di dời toàn bộ cây cối hoa màu trên đất để trả diện tích đất cho ông C.

2. Buộc ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D trả cho ông Hoàng Văn C diện tích đất theo Biên bản thẩm định 28/3/2019 và Sơ đồ trích đo chỉnh lý Bản đồ địa chính số 373 – 2019 Khu đất thửa 110 tờ bản đồ số 01 tại bản N, xã T, thành phố P, tỉnh Điện Biên tổng diện tích đất là 135,4m² (trong đó đã trừ diện tích bề nước và diện tích đường đất) có tứ cận đất như sau:

- Phía Đông giáp đường đất quy hoạch đi vào Trường mầm non;
- Phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn C;
- Phía Nam giáp đường đi MP;
- Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn C;

Ông Ngô Văn C2, bà Hoàng Thị D phải tháo dỡ toàn bộ chuồng trâu, bụi tre trên đất trả lại diện tích đất cho ông C.

3. Giao ông Hoàng Văn C quản lý khu mộ và không được di dời mộ của bà Mai Thị S1 (mẹ đẻ ông Hoàng Văn C1) ra khỏi khu mộ nằm trên diện tích đất của ông C.

4. Bác yêu cầu độc lập của ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D về việc ông C2 và bà D yêu cầu ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1 phải trả cho ông C2, bà D diện tích đất là 153,4m².

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1 về việc buộc ông C phải trả tiền công trông coi đất nương và bồi thường cây cối hoa màu trên đất.

6. Về chi phí thẩm định: Áp dụng Điều 157; Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự buộc ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1 phải trả cho ông C 2.875.500 đồng. Buộc ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D phải trả cho ông C 958.500 đồng.

7. Về án phí: Buộc ông C1 phải chịu 150.000 đồng án phí và bà M1 phải chịu 150.000 đồng án phí DSST. Ông C1 và bà M1 chưa nộp án phí.

Buộc ông C2 và bà D mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí DSST với yêu cầu phản tố của ông C2 và D không được Tòa chấp nhận. Ông C2 và bà D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002304 ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Ông C2, bà D đã nộp đủ án phí.

Trả lại cho ông C số tiền 300.000 đồng, ông C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002128 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự và việc thi hành án dân sự.

Ngày 07/11/2019, TAND thành phố P nhận được đơn kháng cáo của ông bà C1 - M1 với nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đối với 01 phần bản án sơ thẩm: Không nhất trí với việc Tòa sơ thẩm buộc ông bà C1 M1 phải trả cho ông C 2.260,6m², yêu cầu ông C trả tiền công trông coi, quản lý đất cho ông C1 trong 11 năm (từ 2008 đến 2019).

Ngày 06/11/2019, TAND thành phố P nhận được đơn kháng cáo của ông bà C2 - D với nội dung kháng cáo không nhất trí với việc Tòa sơ thẩm buộc ông bà C2 - D phải trả cho ông C 135,4m².

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: ông bà C1 - M1 giữ nguyên nội dung kháng cáo vào bổ sung thêm nội dung kháng cáo, cụ thể như sau:

- Ông bà C1 M1 chỉ nhất trí khai thác, di chuyển các cây keo, cây ăn quả trồng trên đất của ông C để trả cho ông C 1.669,5m² đất mà các bên đã thống nhất mốc giới, còn 455,7m² đất do chênh lệch mốc giới thì ông bà C1 M1 không nhất trí trả vì đó là đất của ông bà C1 M1 khai hoang.

- Ông bà C1 M1 cũng không nhất trí di chuyển mộ bà Mai Thị S1 ra khỏi đất và không nhất trí giao cho ông C quản lý ngôi mộ của bà Mai Thị S1 vì hiện ông C ở trong Lâm Đồng nên không thực hiện việc trông coi được.

- Bên cạnh đó, ông bà C1 M1 không nhất trí với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu của ông bà C1 - M1 về việc yêu cầu ông C trả tiền công trông coi, quản lý đất nương và bồi thường cây cối hoa màu trên đất, vì làm mất quyền khởi kiện của ông bà C1 M1.

- Đối với yêu cầu của ông bà C2 D yêu cầu ông bà C1 M1 phải trả 135,4m² đất hiện ông C2 đang dựng chuồng trâu thì ông bà C1 M1 khẳng định là đất của ông C không liên quan đến gia đình ông bà C1 M1.

Lý do kháng cáo là Tòa án sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa thật khách quan nên phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của họ.

* Tại phiên tòa, ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung nội dung kháng cáo về việc đề nghị ông C chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định mà Tòa án sơ thẩm buộc ông bà C2 D phải chịu là 958.500 đồng.

Sau khi xét hỏi, tranh tụng và được HĐXX phúc thẩm Hòa giải, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về một số nội dung đang tranh chấp, cụ thể như sau:

1. Ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1 có trách nhiệm khai thác, di chuyển các cây keo, cây ăn quả trồng trên đất của ông C để trả cho ông C 1.669,5m² đất mà các bên đã thống nhất mốc giới theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2019 và Sơ đồ trích đo chỉnh lý Bản đồ địa chính số 373 – 2019 Khu đất thửa 110 tờ bản đồ số 01 tại bản N, xã T, thành phố P, tỉnh Điện Biên, vị trí tiếp giáp của thửa đất:

- Phía Đông giáp đất ông Lý Văn D5 và bà Ngô Thị K1;
- Phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn C1, bà Ngô Thị M1;
- Phía Nam giáp đường đi MP;
- Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn C1, bà Ngô Thị M1;

2. Ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1 được quyền quản lý, sử dụng 455,7m² đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2019 và Sơ đồ trích đo chỉnh lý Bản đồ địa chính số 373 – 2019 Khu đất thửa 110 tờ bản đồ số 01 tại bản N, xã T, thành phố P, tỉnh Điện Biên, vị trí tiếp giáp của thửa đất:

- Phía Đông giáp đất ông Lý Văn D5 và bà Ngô Thị K1;
- Phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn C1, bà Ngô Thị M1;
- Phía Nam giáp đất của ông Hoàng Văn C;
- Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn C1, bà Ngô Thị M1;

3. Ông Hoàng Văn C nhất trí giao cho gia đình ông Hoàng Văn C1 bà Ngô Thị M1 diện tích đất mộ của bà Mai Thị S1 (đang được chôn trên đất của ông C), với diện tích là 18m²; vị trí và số đo cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn C, có chiều rộng 03m;
- Phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn C, có chiều rộng 03m;
- Phía Nam giáp mộ con gái của ông Hoàng Văn C có chiều dài 06m;
- Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn C, có chiều dài 06 m;

Ông Hoàng Văn C1 bà Ngô Thị M1 có quyền quản lý, sử dụng và thăm nom, chăm sóc ngôi mộ của bà Mai Thị S1 theo diện tích, vị trí đất đã bàn giao ngày 09/5/2020; Ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1 có nghĩa vụ trả tiền sử dụng đất đối với diện tích đất mộ của bà Mai Thị S1 cho ông C theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật.

4. Ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D rút nội dung kháng cáo đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu độc lập của ông C2 và bà D. Ông C2 và bà D nhất trí tháo dỡ chuồng trâu, chặt tre và trả lại 135,4m² đất cho ông C.

5. Ông Hoàng Văn C tự nguyện chịu số tiền 958.500 đồng chi phí thẩm định tại chỗ và không yêu cầu ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D phải hoàn trả số tiền 958.500 đồng chi phí thẩm định cho ông C.

Tại phần tranh tụng trong phiên tòa phúc thẩm, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên nhận xét: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên căn cứ vào Điều 284, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về những nội dung đã thống nhất; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông C2, bà D về việc trả 135,4m² đất cho ông C; chấp nhận một phần kháng cáo của ông C1, bà M1, ông C2, bà D: sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn C, đơn đề nghị giải quyết yêu cầu độc lập của ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D và các tài liệu chứng cứ các đương sự gửi kèm theo, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” và thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 201; Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền; Tuy nhiên việc áp dụng khoản 3 Điều 26 là chưa chính

xác mà phải áp dụng khoản 9 Điều 26 thì mới đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông bà C1 - M1, ông bà C2 - D gửi đơn kháng cáo trong hạn luật định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[1.2] Theo nội dung đơn khởi kiện thì ông C chỉ khởi kiện ông bà C1 M1, không khởi kiện ông bà C2 D nhưng Tòa án sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C và buộc ông bà C2 D phải trả đất cho ông C là chưa chính xác.

[1.3] Xét nội dung đơn đề nghị của ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D ngày 12/5/2019 (BL 181) thì ông bà C2 D yêu cầu ông C, ông C1, ông P1 không được tính diện tích đất làm chuồng trâu của gia đình ông bà C2 – D vào diện tích đất đang tranh chấp giữa ông C và ông C1. Tại Biên bản xem xét thẩm định thì ông C và ông C1 đã xác định diện tích đất ông C2 làm chuồng trâu là đất của ông C không phải đất của ông bà C1 - M1. Căn cứ vào kết quả thẩm định thì ông C2, bà D mới viết đơn đề nghị Tòa án giải quyết; Như vậy, phải xác định diện tích đất làm chuồng trâu đang có tranh chấp giữa ông bà C2 - D với ông C, chứ không phải là tranh chấp giữa ông bà C2 - D với ông bà C1 - M1.

Việc Tòa án sơ thẩm chỉ xác định yêu cầu độc lập của ông bà C2 - D đối với riêng ông bà C1 - M1 không nói gì đến ông C nhưng lại buộc ông bà C2 - D trả đất cho ông C là chưa phù hợp, dẫn đến nội dung quyết định của bản án sơ thẩm chưa đầy đủ.

Những thiếu sót nêu trên không ảnh hưởng nghiêm trọng đến nội dung vụ án đã được Tòa sơ thẩm giải quyết nên HĐXX phúc thẩm khắc phục và sửa lại trong quá trình xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông bà C1 - M1 bổ sung nội dung kháng cáo, xét thấy các nội dung kháng cáo của ông bà C1 - M1 là có căn cứ; Tuy nhiên ông C và ông bà C1 - M1 đã thống nhất thỏa thuận được một số nội dung tranh chấp, xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được HĐXX phúc thẩm chấp nhận sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về diện tích đất mộ của bà Mai Thị S1, ngày 09/5/2020, các bên đã thực hiện việc bàn giao đất mộ trên thực địa cho nhau nhưng chưa thống nhất được số tiền ông bà C1 M1 phải trả cho ông C. Căn cứ vào Biên bản làm việc với UBND xã M ngày 11/5/2020 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 622/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của UBND thành phố P thì giá đất tại bản N (áp dụng với diện tích đất đang tranh chấp) được áp giá bồi thường là 71.000 đồng/m². Sau khi HĐXX phúc thẩm giải thích thì ông C và ông bà C1 - M1 thống nhất: Ông bà C1 - M1 có nghĩa vụ trả tiền sử dụng đất đối với diện tích đất mộ của bà Mai Thị S1 cho ông C với số tiền là: 18m² x 71.000 đồng = 1.278.000 đồng.

[2.2] Với nội dung kháng cáo Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông bà C1 - M1 về yêu cầu ông C trả tiền công trông coi, quản lý đất:

Do yêu cầu này chưa được Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết và việc tách yêu cầu thanh toán tiền công không ảnh hưởng gì đến việc giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất nên các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án độc lập. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu của ông bà C1 M1 là mâu thuẫn với nhận định trong bản án sơ thẩm và làm mất quyền khởi kiện của ông bà C1 - M1; Để đảm bảo quyền khởi kiện cho ông bà C1 M1 thì HĐXX phúc thẩm cần sửa bản án sơ thẩm đối với nội dung này.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D:

[3.1] Việc rút 01 phần nội dung kháng cáo của ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D đối với việc phải tháo dỡ chuồng trâu, chặt tre và trả lại 135,4m² đất cho ông C là tự nguyện, theo quy định tại Điều 284 và Điều 298, 308/BLTTDS được HĐXX phúc thẩm chấp nhận nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này.

[3.2] Ông C2 bà D bổ sung nội dung kháng cáo, không nhất trí trả số tiền 958.500 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Xét thấy ông C và ông bà C2 D đã thống nhất thỏa thuận được, ông C tự nguyện chịu số tiền 958.500 đồng chi phí thẩm định tại chỗ và không yêu cầu ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D phải hoàn trả số tiền 958.500 đồng cho ông C. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được HĐXX phúc thẩm chấp nhận sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nội dung này.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Cần chấp nhận nội dung kháng cáo của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308, Điều 309 /BLTTDS.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Buộc ông C1 phải chịu 150.000 đồng án phí DSST và bà M1 phải chịu 150.000 đồng án phí DSST.

[5.2] Buộc ông C2 và bà D mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí DSST với yêu cầu độc lập của ông C2 và D không được Tòa chấp nhận. Ông C2 và bà D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002304 ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Ông C2, bà D đã nộp đủ án phí.

[5.3] Trả lại cho ông C số tiền 300.000 đồng, ông C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002128 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án dân sự sơ thẩm bị sửa nên theo quy định tại khoản 2 Điều 148/BLTTDS; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng cho ông Hoàng Văn C1, Ngô Thị M1 theo biên lai: AA/2010/09367 ngày 08/11/2019 và hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng cho ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D theo biên lai:

AA/2010/09370 ngày 11/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309/BLTTDS; khoản 2 Điều 148/BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D về việc phải tháo dỡ chuồng trâu, chặt tre và trả lại 135,4m² đất cho ông C.

2. Chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1 và một phần nội dung kháng cáo của ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D, sửa bản án sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên, cụ thể:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự với các nội dung sau:

2.1.1. Ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1 có trách nhiệm khai thác, di chuyển các cây keo, cây ăn quả trồng trên đất của ông C để trả cho ông C 1.669,5m² đất mà các bên đã thống nhất mốc giới theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2019 và Sơ đồ trích đo chỉnh lý Bản đồ địa chính số 373 – 2019 Khu đất thửa 110 tờ bản đồ số 01 tại bản N, xã T (nay là xã M), thành phố P, tỉnh Điện Biên, vị trí tiếp giáp của đất:

- Phía Đông giáp ông Lý Văn D5 và bà Ngô Thị K1;
- Phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn C1, bà Ngô Thị M1;
- Phía Nam giáp đường đi MP;
- Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn C1, bà Ngô Thị M1;

2.1.2. Ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1 được quyền quản lý, sử dụng 455,7m² đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2019 và Sơ đồ trích đo chỉnh lý Bản đồ địa chính số 373 – 2019 Khu đất thửa 110 tờ bản đồ số 01 tại bản N, xã T (nay là xã M), thành phố P, tỉnh Điện Biên, vị trí tiếp giáp của đất:

- Phía Đông giáp ông Lý Văn D5 và bà Ngô Thị K1;
- Phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn C1, bà Ngô Thị M1;
- Phía Nam giáp đất của ông Hoàng Văn C;
- Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn C1, bà Ngô Thị M1;

(Diện tích đất ông C và ông bà C1 - M1 được sử dụng xác định theo Sơ đồ trích đo chỉnh lý Bản đồ địa chính số 373 – 2019 khu đất thửa 110 tờ bản đồ số 01 tại Bản N, xã T (nay là xã M), thành phố P, tỉnh Điện Biên được đính kèm theo Bản án).

2.1.3. Ông C nhất trí giao cho gia đình ông Hoàng Văn C1 bà Ngô Thị M1 diện tích đất mộ của bà Mai Thị S1 (đang được chôn trên đất của ông C), với diện tích là 18m² (có sơ đồ đính kèm theo Bản án); vị trí và số đo cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn C, có chiều rộng 03m;
- Phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn C, có chiều rộng 03m;
- Phía Nam giáp mộ con gái của ông Hoàng Văn C có chiều dài 06m;
- Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn C, có chiều dài 06m;

Ông Hoàng Văn C1 bà Ngô Thị M1 có quyền quản lý, sử dụng và thăm nom, chăm sóc ngôi mộ của bà Mai Thị S1 theo diện tích, vị trí đất đã bàn giao ngày 09/5/2020; Ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1 có nghĩa vụ trả tiền sử dụng đất đối với diện tích đất mộ của bà Mai Thị S1 cho ông C với số tiền là 1.278.000 đồng (một triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.1.4. Ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D có trách nhiệm tháo dỡ chuồng trâu, chặt tre và trả lại 135,4m² đất cho ông C.

Ông C tự nguyện chịu số tiền 958.500 đồng chi phí thẩm định tại chỗ và không yêu cầu ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D phải hoàn trả số tiền 958.500 đồng chi phí thẩm định cho ông C.

2.2. Ông Hoàng Văn C1 và bà Ngô Thị M1 có quyền khởi kiện buộc ông C phải trả tiền công trông coi đất, mồ mả trên đất và các tổn thất khác trong vụ án độc lập khi ông C1 bà M1 có yêu cầu.

3. Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc ông C1 phải chịu 150.000 đồng án phí và bà M1 phải chịu 150.000 đồng án phí DSST. Ông C1 và bà M1 chưa nộp án phí.

4.2. Buộc ông C2 và bà D mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí DSST với yêu cầu độc lập của ông C2 và D không được Tòa chấp nhận. Ông C2 và bà D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002304 ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Ông C2, bà D đã nộp đủ án phí.

4.3. Trả lại cho ông C số tiền 300.000 đồng, ông C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002128 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 148/BLTTDS; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Ông Hoàng Văn C1, bà Ngô Thị M1, ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D không phải chịu án phí phúc thẩm; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng cho ông Hoàng Văn C1, Ngô Thị M1 theo biên lai: AA/2010/09367 ngày 08/11/2019 và hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng cho ông Ngô Văn C2 và bà Hoàng Thị D theo biên lai: AA/2010/09370 ngày 11/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Điện Biên.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/5/2020).

Nơi nhận:

- TAND thành phố P;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CC THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng